

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 10/10/2021

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT2321	Chu Trường An	18/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.7	5.5	Đạt	
2	CNTT2322	Lý Minh Anh	14/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Hoa	7.2	5.5	Đạt	
3	CNTT2323	Nguyễn Hoàng Anh	10/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt	
4	CNTT2324	Nguyễn Ngọc Anh	28/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	5.5	Đạt	
5	CNTT2325	Vũ Thị Lan Anh	13/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.5	5.0	Đạt	
6	CNTT2326	Vương Quốc Anh	18/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
7	CNTT2327	Vi Xuân Chinh	30/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.7	6.5	Đạt	
8	CNTT2328	Nguyễn Văn Cương	22/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	Đạt	
9	CNTT2329	Lăng Văn Dân	25/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	5.0	Đạt	
10	CNTT2330	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	17/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt	
11	CNTT2331	Phùng Thị Diên	16/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	5.0	Đạt	
12	CNTT2332	Vy Văn Dũng	20/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.0	Đạt	
13	CNTT2333	Lâm Văn Dương	30/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.0	Đạt	
14	CNTT2334	Nguyễn Thùy Dương	16/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.0	5.0	Đạt	
15	CNTT2335	Bùi Tiến Đạt	16/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt	
16	CNTT2336	Hoàng Đức Đạt	01/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	6.0	Đạt	
17	CNTT2337	Nguyễn Thành Đạt	21/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.7	7.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
18	CNTT2338	Nông Minh	Đạt	08/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	5.5	Đạt	
19	CNTT2339	Vi Đức	Đạt	15/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.5	Đạt	
20	CNTT2340	Chu Hải	Đặng	09/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.5	5.5	Đạt	
21	CNTT2341	Hoàng Anh	Đức	18/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt	
22	CNTT2342	Hoàng Văn	Đức	22/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	6.0	Đạt	
23	CNTT2343	Nguyễn Văn	Giang	23/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt	
24	CNTT2344	Âu Thanh	Hải	10/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.0	Đạt	
25	CNTT2345	Lăng Thị	Hạnh	19/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	6.5	Đạt	
26	CNTT2346	Hà Thị	Hằng	25/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
27	CNTT2347	Mông Viết	Hiên	12/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
28	CNTT2348	Ngô Thị	Hiện	15/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	5.0	Đạt	
29	CNTT2349	Lâm Quang	Hiệp	12/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.0	Đạt	
30	CNTT2350	Ngô Minh	Hiệp	27/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	6.0	Đạt	
31	CNTT2351	Hoàng Văn	Hiếu	10/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt	
32	CNTT2352	Trần Minh	Hiếu	11/12/2004	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt	
33	CNTT2353	Hoàng Văn	Hiếu	03/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8.0	6.0	Đạt	
34	CNTT2354	Phương Thu	Hoài	18/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.7	5.5	Đạt	
35	CNTT2355	Liều Công	Hoàn	11/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	5.5	Đạt	
36	CNTT2356	Huỳnh Huy	Hoàng	08/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt	
37	CNTT2357	Lý Việt	Hoàng	10/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
38	CNTT2358	Đàm Thị Bích	Huệ	23/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	5.0	Đạt	
39	CNTT2359	Lã Tuấn	Hùng	28/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.0	Đạt	
40	CNTT2360	Hắc Trường	Huy	17/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Cơ-tu	5.7	6.0	Đạt	
41	CNTT2361	Nguyễn Quốc	Huy	16/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.2	7.0	Đạt	
42	CNTT2362	Nguyễn Vũ Anh	Huy	02/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt	
43	CNTT2363	Nông Thúy	Huyền	19/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	6.0	Đạt	
44	CNTT2364	Chu Thị	Huyền	09/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	5.5	Đạt	
45	CNTT2365	Đinh Thu	Hương	05/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	5.0	Đạt	
46	CNTT2366	Hoàng Thu	Hương	05/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	6.5	Đạt	
47	CNTT2367	Hoàng Đồng	Hưởng	10/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt	
48	CNTT2368	Hoàng Minh	Hưởng	03/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	5.5	Đạt	
49	CNTT2369	Hoàng Quang	Khải	12/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.0	Đạt	
50	CNTT2370	Lăng Đình	Khải	24/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	5.5	Đạt	
51	CNTT2371	Chu Bảo	Khánh	17/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	5.0	Đạt	
52	CNTT2372	Hoàng Văn	Khánh	19/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.5	Đạt	
53	CNTT2373	Vy Quốc	Lâm	18/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	6.0	Đạt	
54	CNTT2374	Âu Thị Bé	Lệ	06/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.2	5.0	Đạt	
55	CNTT2375	Triệu Thị Bích	Lệ	30/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	6.0	Đạt	
56	CNTT2376	Chu Khánh	Linh	13/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.7	6.0	Đạt	
57	CNTT2377	Lăng Huyền Diệu	Linh	19/10/2004	Đồng Nai	Nữ	Nùng	6.0	7.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
58	CNTT2378	Trần Thị Thùy	Linh	10/10/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt	
59	CNTT2379	Trương Thị Khánh	Linh	08/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	6.0	Đạt	
60	CNTT2380	Đoàn Tài	Long	24/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt	
61	CNTT2381	Hà Thành	Long	20/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.0	5.5	Đạt	
62	CNTT2382	Nông Thị	Ly	25/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.2	6.5	Đạt	
63	CNTT2383	Vy Thị	Mềm	27/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
64	CNTT2384	Hoàng Thị	Minh	19/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	5.5	Đạt	
65	CNTT2385	Nông Văn	Minh	27/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	6.0	Đạt	
66	CNTT2386	Vi Quang	Minh	03/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt	
67	CNTT2387	Lăng Thị Tuyết	Mơ	05/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	6.5	Đạt	
68	CNTT2388	Lữ Thị Trà	My	17/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	5.5	Đạt	
69	CNTT2389	Vi Thị Thảo	My	20/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.0	6.0	Đạt	
70	CNTT2390	Trần Xuân	Nam	04/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.5	5.0	Đạt	
71	CNTT2391	Triệu Văn	Nam	08/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	6.5	Đạt	
72	CNTT2392	Lý Văn	Nghĩa	15/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8.0	5.5	Đạt	
73	CNTT2393	Nguyễn Thị	Ngọc	02/10/2004	Hải Dương	Nữ	Kinh	6.7	5.5	Đạt	
74	CNTT2394	Trần Duy	Nguyễn	29/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt	
75	CNTT2395	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	17/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5.7	5.0	Đạt	
76	CNTT2396	Vi Thị Hồng	Nhung	09/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	6.0	Đạt	
77	CNTT2397	Phùng Tố	Như	20/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.2	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
78	CNTT2398	Nông Thị	Phoong	07/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	5.5	Đạt	
79	CNTT2399	Hoàng Hoài	Phuong	27/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.5	5.0	Đạt	
80	CNTT2400	Nông Duy	Quang	16/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt	
81	CNTT2401	Hứa Văn	Quân	28/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.7	5.5	Đạt	
82	CNTT2402	Lành Minh	Quân	09/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
83	CNTT2403	Tạ Nguyên	Quân	18/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	5.0	Đạt	
84	CNTT2404	Ngọc Văn	Quốc	29/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.5	Đạt	
85	CNTT2405	Nông Xuân	Quốc	02/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	6.5	Đạt	
86	CNTT2406	Nông Minh	Quý	26/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	6.0	Đạt	
87	CNTT2407	Nghiêm Lệ	Quyên	31/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.2	5.5	Đạt	
88	CNTT2408	Lộc Văn	Sơn	28/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.0	5.5	Đạt	
89	CNTT2409	Vi Thị Thanh	Tâm	04/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
90	CNTT2410	Nguyễn Công	Tân	11/02/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt	
91	CNTT2411	Nông Vi Hồng	Tân	28/06/2003	Vũng Tàu	Nam	Nùng	6.7	5.5	Đạt	
92	CNTT2412	Nguyễn Hữu	Thành	10/06/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt	
93	CNTT2413	Nguyễn Văn	Thành	06/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt	
94	CNTT2414	Nông Thị	Thắm	13/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	5.5	Đạt	
95	CNTT2415	Hoàng Văn	Thân	06/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.0	Đạt	
96	CNTT2416	Kiều Văn	Thân	13/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	5.5	Đạt	
97	CNTT2417	Vy Mạnh	Thọ	12/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
98	CNTT2418	Hà Văn	Thông	26/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
99	CNTT2419	Phạm Thị Ngọc	Thúy	05/08/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	6.5	5.0	Đạt	
100	CNTT2420	Vi Thị	Thúy	12/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
101	CNTT2421	Hoàng Văn	Thư	01/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.0	Đạt	
102	CNTT2422	Chu Minh	Tiến	21/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.0	5.5	Đạt	
103	CNTT2423	Hà Minh	Tiếp	25/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.0	Đạt	
104	CNTT2424	Lăng Văn	Tĩnh	06/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.0	Đạt	
105	CNTT2425	Lâm Thanh	Toàn	16/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.0	Đạt	
106	CNTT2426	Hoàng Chí	Tôn	30/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	6.0	Đạt	
107	CNTT2427	Hứa Huyền	Trang	20/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.0	5.5	Đạt	
108	CNTT2428	Lê Hồng	Trang	29/11/2004	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	6.7	6.0	Đạt	
109	CNTT2429	Lưu Nguyễn Huyền	Trang	16/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.5	6.0	Đạt	
110	CNTT2430	Nguyễn Thị Thùy	Trang	01/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.5	5.5	Đạt	
111	CNTT2431	Vũ Thị	Trang	24/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.7	5.5	Đạt	
112	CNTT2432	Hoàng Văn	Trung	05/10/2004	Hưng Yên	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt	
113	CNTT2433	Lý Quang	Trung	13/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.0	5.5	Đạt	
114	CNTT2434	Cao Xuân	Trường	08/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt	
115	CNTT2435	Nguyễn Văn	Trường	07/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt	
116	CNTT2436	Lương Anh	Tú	26/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	6.0	Đạt	
117	CNTT2437	Chu Mạnh	Tuân	13/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
118	CNTT2438	Chu Văn	Tuấn	29/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	5.5	Đạt	
119	CNTT2439	Lâm Đức	Tuấn	24/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.2	5.0	Đạt	
120	CNTT2440	Lâm Văn	Tuấn	02/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.5	Đạt	
121	CNTT2441	Nguyễn Đình	Tuấn	16/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	5.0	Đạt	
122	CNTT2442	Lý Quang	Tư	21/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt	
123	CNTT2443	Đoạn Thế	Văn	13/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	5.0	Đạt	
124	CNTT2444	Cao Thị Thùy	Vân	11/04/2004	Nam Định	Nữ	Kinh	6.7	5.0	Đạt	
125	CNTT2445	Lưu Thị Yên	Vi	17/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
126	CNTT2446	Nông Thành	Vinh	28/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
127	CNTT2447	Hoàng Thị	Xuyến	20/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.7	6.5	Đạt	
128	CNTT2448	Nguyễn Thị	Xuyến	24/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	5.5	Đạt	
129	CNTT2449	Hoàng Thị Hải	Yên	24/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	5.5	Đạt	
130	CNTT2450	Trần Ngân	Anh	05/10/1993	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.7	8.0	Đạt	
131	CNTT2451	Nguyễn Văn	Chung	19/01/1993	Lạng Sơn	Nam	Kinh	8.0	7.0	Đạt	
132	CNTT2452	Hoàng Kim	Dung	03/02/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.0	Đạt	
133	CNTT2453	Nguyễn Thị Hương	Điệp	12/01/1982	Nam Định	Nữ	Kinh	7.5	7.5	Đạt	
134	CNTT2454	Vũ Thu	Hằng	04/09/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.5	Đạt	
135	CNTT2455	Bùi Trung	Hiếu	12/04/1998	Lạng Sơn	Nam	Kinh	8.2	7.5	Đạt	
136	CNTT2456	Ma Thị	Hòe	01/12/1974	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.0	Đạt	
137	CNTT2457	Phùng Thiện	Luân	18/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	7.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
138	CNTT2458	Lương Thị	Nhi	28/05/1999	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8.5	7.5	Đạt	
139	CNTT2459	Lộc Thị	Niên	16/05/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	8.0	Đạt	
140	CNTT2460	Nguyễn Văn	Quang	27/10/1993	Lạng Sơn	Nam	Tày	8.0	7.5	Đạt	
141	CNTT2461	Đoàn Ngọc Minh	Quyên	01/12/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	8.0	Đạt	
142	CNTT2462	Dương Thị	Thảo	10/06/2000	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	8.0	Đạt	
143	CNTT2463	Liều Thu	Thùy	12/01/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	8.0	Đạt	
144	CNTT2464	Hoàng Thị Huyền	Trân	05/09/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8.0	8.5	Đạt	
145	CNTT2465	Nông Thị Vy	Tuyết	01/02/1984	Cao Bằng	Nữ	Tày	7.7	8.0	Đạt	
146	CNTT2466	Nguyễn Thị Hồng	Vân	09/12/1978	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.5	8.5	Đạt	
147	CNTT2467	Hứa Trọng	Vinh	17/09/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8.2	7.0	Đạt	
148	CNTT2468	Ma Thị Hồng	Vinh	18/07/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.0	Đạt	
149	CNTT2469	Hoàng Tụ	Xê	11/02/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	8.2	7.0	Đạt	
150	CNTT2470	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/01/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
151	CNTT2471	Chu Thị	Bắc	06/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.5	Đạt	
152	CNTT2472	Nguyễn Thị	Bắc	28/04/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	8.0	Đạt	
153	CNTT2473	Dương Ngọc	Cấp	28/03/1974	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.7	7.0	Đạt	
154	CNTT2474	Đỗ Hoàng	Chung	14/11/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.5	Đạt	
155	CNTT2475	Tạ Thị	Hằng	11/02/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt	
156	CNTT2476	Hoàng Thị	Hiền	02/06/1997	Bắc Giang	Nữ	Tày	8.2	7.5	Đạt	
157	CNTT2477	Thân Thị Thu	Hiền	17/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
158	CNTT2478	Nguyễn Thị Ngọc	15/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	Đạt	
159	CNTT2479	Dương Thị Nguyệt	15/03/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	Đạt	
160	CNTT2480	Lê Thị Mai Quyên	27/09/1988	Bắc Giang	Nữ	Tày	8.0	7.5	Đạt	
161	CNTT2481	Ngô Mạnh Thắng	06/08/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	7.0	Đạt	
162	CNTT2482	Hoàng Thị Thuỳ	06/01/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.5	Đạt	
163	CNTT2483	Tạ Thị Thủy	06/06/1974	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.0	Đạt	
164	CNTT2484	Lương Trần Chí	21/08/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.5	Đạt	
165	CNTT2485	Tiêu Văn Tùng	31/01/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Vắng thi
166	CNTT2486	Nguyễn Văn Vĩnh	15/10/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.0	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: **166**

Số thí sinh vắng thi: **2**

Số thí sinh dự thi: **164**

Số thí sinh đạt yêu cầu: **164**

Số thí sinh không đạt yêu cầu: **0**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 14 tháng 10 năm 2021

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

ThS. Nguyễn Thị Hoa